TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2019
"V/v Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hoa
2. Ông Nguyễn Đỗ Danh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hàn Thị Thu H, sinh năm 1984.
HKTT: Tổ 0, ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 0, khu phố B, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh C, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ 0, ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà H, ông C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Hàn Thị Thu H trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 06 năm thì bà H và ông C mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 05-10-2006 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với gia đình chồng được hơn

một năm thì ra sống riêng, sống hạnh phúc đến khi bà H sinh người con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông C không chí thú làm ăn. Mọi chuyện trong gia đình đều do bà H lo liệu, từ việc kiếm tiền đến nuôi dạy con cái. Qua thời gian bà H nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nhưng vì thương con còn nhỏ nên cố gắng chịu đựng để tiếp tục chung sống lo cho con chung. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng từ khi bà H chuyển sang làm công việc mới, phải thường xuyên đi công tác. Ông C ghen tuông vô cớ, tìm cách làm nhục bà H. Bà H nhận thấy nếu tiếp tục sống chung trong nhà thì sẽ bị bạo lực gia đình nên từ ngày 25-11-2018 bà H dọn ra ngoài sống riêng. Trong thời gian này ông C có đôi lần nhắn tin xin lỗi và muốn bà H quay về chung sống nhưng bà không đồng ý. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà H xin được ly hôn với ông C.

Về nuôi con chung: Trước đây bà H có nguyện vọng giao 02 người con chung cho ông C được quyền nuôi dưỡng nhưng trong thời gian vợ chồng ly thân, 02 người con sống chung với ông C nhưng các cháu không được chăm sóc, giáo dục tốt nên bà H có nguyện vọng xin được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung là Phạm Minh P, sinh ngày 22-7-2007 và Phạm Diễm N, sinh ngày 26-11-2009 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Phạm Thanh C trình bày: Ông C thống nhất với trình bày của bà H về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Sau khi ra sống riêng thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong thời gian này bà H nghỉ việc tại trường (Trước đây bà H làm nhân viên y tế học đường ở trường Trung học cơ sở C, xã B, huyện C) và chuyển sang làm nhân viên cho Công ty tư vấn du học. Bà H thường xuyên vắng nhà, thậm chí đi qua đêm nhưng ông C cũng không biết bà H đi đâu, làm gì. Từ đó ông C cũng đâm ra nghi ngờ tình cảm của bà H nhưng vì vẫn còn thương nên ông đã bỏ qua để vợ chồng chung sống; Ông C đã nhiều lần khuyên bà H hạn chế việc vắng nhà thường xuyên để dành thời gian chăm sóc con nhưng bà H không quan tâm đến lời nói của ông. Đến tháng 6-2018 thì bà H muốn mở trung tâm dạy tiếng Anh, thuê giáo viên nước ngoài về giảng dạy nhưng ông C can ngăn vì bàH không có bằng cấp chuyên môn nên từ đó vợ chồng lại bất đồng quan điểm. Đến ngày 25-11-2018 thì bà H dọn ra ngoài sống riêng cùng con gái nhỏ còn ông C sống cùng con trai. Trong thời gian này ông C đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm để vợ chồng sống chung lo cho các con nhưng bà H không đồng ý. Nay, ông C thấy tình cảm của ông đối với bà H vẫn còn nhưng qua thời gian bà H vẫn không có thiện chí đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương theo yêu cầu của bà H vì ông C là theo người đạo Công giáo.

Về nuôi con chung: Ông C đồng ý để bà H được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung còn ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung là Phạm Minh P, sinh ngày 22-7-2007 và Phạm Diễm N, sinh ngày 26-11-2009 cho bà H được quyền nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông C không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:* Bà H và ông C sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bàH yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông C là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H, ông C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông C trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 05-10-2006 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẽ trong cuộc sống; Ngoài ra vợ chồng còn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 11-2018 thì vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân thì vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà H, Tòa án cũng đã hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả vì bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không đồng ý đoàn tụ và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn. Ông C cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng qua thời gian vẫn không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương theo yêu cầu của bà H. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C ngày

càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn với ông C.

[3] Về nuôi con chung: Bà H và ông C có 02 người con chung là Phạm Minh P, sinh ngày 22-7-2007 và Phạm Diễm N, sinh ngày 26-11-2009. Bà H và ông C thống nhất bà H được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung và ông C không cấp dưỡng nuôi con. Hiện 02 người con chung đã đủ 07 tuổi và đều có nguyện vọng xin được sống với bà H nên cần áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu P và cháu N cho bà H được quyền nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hàn Thị Thu H và ông Phạm Thanh C.

2.Về nuôi con chung: Bà Hàn Thị Thu H và ông Phạm Thanh C có 02 người con chung là Phạm Minh P, sinh ngày 22-7-2007 và Phạm Diễm N, sinh ngày 26-11-2009;

Giao con chung Phạm Minh P, sinh ngày 22-7-2007 và Phạm Diễm N, sinh ngày 26-11-2009 cho bà Hàn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hàn Thị Thu H không yêu cầu ông Phạm Thanh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Bà Hàn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0005870 ngày 04 tháng 12 năm 2018; Bà Hàn Thị Thu H đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Bà Hàn Thị Thu H và ông Phạm Thanh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT**;**
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THADS H.Châu Đức;
-UBND xã B;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga